UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 665/QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 05 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học sửa đổi, bổ sung khóa học: K13 (2023-2027)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hải Dương;

Theo đề nghị của Trưởng các khoa chuyên môn và Thường trực Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hải Dương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học sửa đổi, bổ sung khóa học: K13 (2023-2027), gồm:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	7140209	Sư phạm Toán học
2	7140217	Sư phạm Ngữ văn
3	7140231	Sư phạm Tiếng Anh
4	7140201	Giáo dục Mầm non (ĐH)
5	7140202	Giáo dục Tiểu học
6	7140218	Sư phạm Lịch sử
7	7140206	Giáo dục Thể chất

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	7140209	Sư phạm Toán học
2	7140217	Sư phạm Ngữ văn
3	7140231	Sư phạm Tiếng Anh
4	7140207	Giáo dục Mầm non (DPH)
5	7140202	Giáo dục Tiểu học
6	7140218	Sư phạm Lịch sử
7	7140206	Giáo dục Thể chất

(có Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế, Trưởng các khoa chuyên môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- HĐT (để b/c);
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT-HTQT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

TS. Nguyễn Văn Quyên

TỈNH HẢI DƯƠNG

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 665/QĐ-ĐHHD ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Giáo dục thể chất
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Physical Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140206

1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất có trình độ đại học, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng nhu cầu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả dạy học môn thể dục trong các trường ở bậc học phổ thông, hoặc làm công tác quản lí phong trào Thể dục thể thao (viết tắt: TDTT) ở các Sở, Ngành, các đơn vị TDTT cơ sở tại các địa phương; có năng lực đảm đương công tác giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực TDTT và đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục trong các trường ở bậc học phổ thông về quy mô, chất lượng, hiệu quả, phục vụ sự nghiệp Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tiếp tục học tập lên các bậc học cao hơn; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, tự thích ứng để học tập suốt đời; có ý thức phục vụ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về khoa học Giáo dục thể chất và các kiến thức liên ngành

PO2: Có kiến thức đầy đủ, hệ thống và hiện đại về khoa học giáo dục, phương pháp dạy học Giáo dục thể chất

PO3: Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục thể chất và khoa học giáo dục.

PO4: Sử dụng thành thạo các kĩ năng dạy học Giáo dục thể chất: lập kế hoạch dạy học Giáo dục thể chất, thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học Giáo dục thể chất, kiểm tra đánh giá năng lực Giáo dục thể chất của học sinh.

PO5: Có năng lực phát triển chương trình Giáo dục thể chất, biên soạn tài liệu sách giáo khoa, tham khảo môn Giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PO6: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề khoa học giáo dục và khoa học Giáo dục thể chất.

PO7: Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại và ngoại

ngữ trong dạy học Giáo dục thể chất.

PO8: Có một số năng lực khác như năng lực giao tiếp; năng lực tự học suốt đời; năng lực quản lí thời gian và tổ chức cuộc sống, thích ứng với những biến động của cuộc sống và xã hội; năng lực làm việc theo nhóm, hợp tác, chia sẻ.

PO9: Tuân thủ hiến pháp và luật pháp, có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, có kỉ luật, tuyên truyền, vận động, tham gia các hoạt động xã hội có ích cho cộng đồng.

PO10: Rèn luyện đạo đức, tác phong người giáo viên; yêu nghề, say mê nghiên cứu và có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Việt.

PO11: Truyền tải và gìn giữ các giá trị của văn hóa truyền thống của Việt Nam và địa phương, phát huy các giá trị phù hợp với thời đại hội nhập, xây dựng các phẩm chất năng động, hội nhập của công dân toàn cầu.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn đầu ra

2.1.1. Về kiến thức

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lí luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lí học, giáo dục học, quản lí nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

PLO3: Vận dụng được kiến thức chuyên môn toàn diện, hệ thống kiến thức ngành, nguyên tắc, phương pháp giảng dạy Giáo dục thể chất để lập luận phân tích và dạy học Giáo dục thể chất, giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

PLO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn để phát triển kiến thức mới, để có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

PLO5: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Giáo dục thể chất; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lí tốt các tình huống dạy học, giáo dục.

PLO6: Đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực người học, nhu cầu phát triển năng lực người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kĩ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp.

2.1.2. Về kĩ năng

PLO7: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO8: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin để tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lí học sinh.

PLO9: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

PLO10: Vận dụng được các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về Giáo dục thể chất cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

PLO11: Vận dụng hiệu quả các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trong học tập môn Giáo dục thể chất ở trường phổ thông.

PLO12: Vận dụng sáng tạo tri thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

PLO13: Sử dụng linh hoạt kĩ năng ngôn ngữ và giao tiếp sư phạm trong dạy học Giáo dục thể chất và trong cuộc sống.

2.1.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO15: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

PLO16: Có tư duy phản biện xã hội, tuyên truyền, lan tỏa những thông điệp tích cực đến học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất trình độ đại học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương, đáp ứng được:

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.
- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên cho đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, cụ thể là học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.
- Ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khoá: 127 tín chỉ
- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 24 tín chỉ (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

+ Lí luận chính trị: 11 tín chỉ
+ Ngoại ngữ: 7 tín chỉ
+ Khoa học Tự nhiên: 2 tín chỉ
+ Khoa học Xã hội và Nhân văn: 4 tín chỉ

(Giáo dục Quốc phòng - An ninh: 165 tiết)

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 103 tín chỉ

+ Cơ sở ngành: 32 tín chỉ
+ Chuyên ngành: 52 tín chỉ
+ Nghiệp vụ (thực hành, thực tập nghề nghiệp): 12 tín chỉ
+ Đồ án/Khoá luận tốt nghiệp/Học phần thay thế: 7 tín chỉ

5. CHIẾN LƯỢC DẠY HỌC

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học: Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực, thấm nhuần giá trị văn hóa dân tộc và trách nhiệm xã hội; Phát huy tối đa tiềm năng, hình thành tư duy mở, khả năng thích ứng nhanh chóng trước sự thay đổi; Hình thành khả

năng học tập và làm việc trong môi trường đa văn hóa, khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học. Các chiến lược dạy - học được ưu tiên sử dụng là:

(1) Dạy học phân hóa (Differentiated Instruction): Nội dung giảng dạy và hoạt động dạy học khác nhau được tổ chức, điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm cá nhân của người học, giúp mọi người học có thể học tập hiệu quả bất kể sự khác biệt về khả năng của họ. Đánh giá quá trình được tăng cường sử dụng để đảm bảo các trải nghiệm học tập, kịp thời điều chỉnh theo đặc điểm cá nhân người học.

(2) Học tập tích cực (Active Learning): Người học tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập. Bằng cách sử dụng các chiến lược học tập tích cực (như: làm việc nhóm nhỏ, đóng vai, nghiên cứu trường hợp điển hình,...), người học tăng thêm hứng thủ và động lực học tập, phát triển tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, kĩ năng xã hội,...

(3) Học tập theo câu hỏi (Inquiry-Based Learning): Người học đặt câu hỏi một cách tự nhiên hoặc được yêu cầu đặt câu hỏi về một chủ đề cụ thể. Người học tự mình nghiên cứu hay tham gia vào các hoạt động với sự cộng tác để theo đuổi và tìm câu trả lời, qua đó phát triển kiến thức hoặc giải pháp, rèn luyện kĩ năng tư duy và giải quyết vấn đề.

(4) Học tập kết hợp (Blended Learning): Người học thực hiện một phần quá trình học tập của mình trong môi trường kĩ thuật số độc lập và một phần trong môi trường lớp học trực tiếp: Người học được tạo cơ hội học tập theo thời gian cá nhân và có các tương tác trực tiếp để củng cố những gì họ đã học được.

(5) Lớp học đảo ngược (flipped classroom): Người học được cung cấp tài liệu học tập và hướng dẫn học tập, chủ động tìm hiểu các nội dung học tập và thực hiện các nhiệm vụ trước khi lên lớp theo yêu cầu và dưới sự hỗ trợ của người dạy.

(6) Học tập hợp tác: Tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm để người học hoàn thành nhiệm vụ chung hướng tới mục tiêu học tập. Người học có thể tận dụng các nguồn lực và kĩ năng của nhau, phát triển các kĩ năng hợp tác, giao tiếp xã hội

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

6.1.1. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo được tổ chức theo khoá học, năm học và học kì.

b) Thời gian học tập chuẩn cho một khóa đào tạo là 4 năm. Thời gian tối đa để hoàn thành khoá học là 8 năm.

c) Một năm học có hai học kì chính và có thể có một học kì phụ.

Học kì chính có 15 tuần thực học, 01 tuần đệm và 02 tuần thi.

Học kì phụ có 05 tuần thực học và 01 tuần thi, được tổ chức cho sinh viên học lại, học vượt hoặc học thêm các học phần ngoài chương trình đào tạo. Sinh viên đăng kí tham gia học kì phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc. Việc tổ chức học kì phụ được căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm học.

Ngoài ra, còn một số tuần dành cho các hoạt động khác như học Giáo dục quốc phòng và an ninh, kiến tập, thực tập, nghỉ hè, nghỉ tết.

6.1.2. Phương thức tổ chức đào tạo

a) Hoạt động đào tạo được tổ chức theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của trường.

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỉ luật ở mức đình chỉ học tập.

7. CÁCH ĐÁNH GIÁ

7.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lí giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo;
- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

7.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường.

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được quy định như sau:

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A+	9.5 – 10	4.0
A	8.5 – 9.4	4.0
B+	8.0 – 8.4	3.5
B	7.0 – 7.9	3.0
C+	6.5 – 6.9	2.5
C	5.5 – 6.4	2.0
D+	5.0 – 5.4	1.5
D	4.0 – 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

Điểm đánh giá học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Hải Dương tại Quyết định số 471/QĐ-ĐHHD ngày 28/8/2023 của Hiệu trưởng.

Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần (là các điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần). Số bài đánh giá thường xuyên tương ứng với số tín chỉ của mỗi học phần:

Số tín chỉ	Số bài đánh giá thường xuyên
Từ 1 đến 2 tín chỉ	1 bài
Từ 3 đến 5 tín chỉ	2 bài
Từ 6 tín chỉ trở lên	3 bài

Trung bình điểm đánh giá thường xuyên chiếm 40%.

Điểm thi kết thúc học phần chiếm 60%.

Các điểm đánh giá thường xuyên, thi kết thúc học phần tính theo thang điểm 10, làm tròn số đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Trung bình điểm đánh giá thường xuyên	40%
2. Điểm thi kết thúc học phần	60%
3. Công thức tính điểm học phần Điểm học phần = (Trung bình điểm đánh giá thường xuyên x 4 + Điểm thi kết thúc học phần x 6)/10	

8. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Ghi chú
				Lên lớp		Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lí thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành		
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các môn GDTC và GDQP - AN)			*24*				
Lí luận chính trị			*11*				
1	POL001	Triết học Mác - Lênin	3	36	9	105	
2	POL002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	10	70	

3	POL003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	70	
4	POL004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	70	
5	POL005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10	70	
Giáo dục Quốc phòng và An ninh							
6	ME008-ME011	Giáo dục quốc phòng và An ninh	165t	77	88		
6.1	ME008	GDQP-AN1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam		37	8		
6.2	ME009	GDQP-AN2: Công tác quốc phòng và an ninh		22	8		
6.3	ME010	GDQP-AN3: Quân sự chung		14	16		
6.4	ME011	GDQP-AN4: Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		4	56		
Ngoại ngữ			***7***				
7	EN012	Tiếng Anh 1	3	30	15	105	
8	EN013	Tiếng Anh 2	4	40	20	140	
Khoa học Tự nhiên			***2***				
9	IT014	Tin học đại cương	2	15	15	70	
Khoa học Xã hội - Nhân văn			***4***	15	15	70	
10	MAN014	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	21	9	70	
11	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	9	70	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**103**				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			***32***				
Các học phần bắt buộc			28				
12	PSE115	Tâm lí học	3	30	15	105	
13	PSE116	Giáo dục học	3	35	10	105	
14	CUL119	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	24	6	70	
15	PHYE119	Giải phẫu học thể dục thể thao	3	36	9	105	
16	PHYE120	Sinh lý học thể dục thể thao	3	36	9	105	
17	PHYE121	Sinh hóa thể dục thể thao	3	36	9	105	

18	PHYE122	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	3	36	9	105	
19	PHYE123	Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	2	24	6	70	
20	PHYE124	Thống kê và đo lường thể dục thể thao	2	24	6	70	
21	PSE127	Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT	2	15	15	70	
22	ENV150	Giáo dục môi trường	2	24	6	70	
Các học phần tự chọn (Chọn 02 trong các học phần)			4				
23.1	PHYE326.1	Vệ sinh y học thể dục thể thao	2	24	6	70	
23.2	PSE326.2	Giao tiếp sư phạm	2	15	15	70	
23.3	PHYE326.3	Quản lí thể dục thể thao	2	24	6	70	
2.2. Kiến thức chuyên ngành			***52***				
Các học phần bắt buộc			36				
24	MSP227	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 (Chạy trung bình, ngắn, tiếp, nhảy xa)	4	12	48	140	
25	MSP228	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	4	12	48	140	
26	MSP229	Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn - Đội	3	36	9	105	
27	MSP230	Phương pháp giảng dạy Thể dục	4	12	48	140	
28	MSP231	Phương pháp giảng dạy Bóng đá	3	9	36	105	
29	MSP232	Phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	3	9	36	105	
30	MSP233	Phương pháp giảng dạy Bóng bàn	3	9	36	105	
31	MSP234	Phương pháp giảng dạy Bóng rổ	3	9	36	105	
32	MSP235	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	3	9	36	105	

33	MSP236	Phương pháp giảng dạy Võ thuật	3	9	36	105	
34	MSP237	Phương pháp giảng dạy Aerobic	3	9	36	105	
Các học phần chuyên sâu (Chọn 01 trong 06 phân môn sau: Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Bóng bàn, Cầu lông, Võ thuật - học trong 4 kì)			12				
35.1	PHYE238.1	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 1	3	9	36	105	
35.2	PHYE238.2	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 2	3	9	36	105	
35.3	PHYE238.3	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 3	3	9	36	105	
35.4	PHYE238.4	Thể thao chuyên sâu Bóng đá 4	3	9	36	105	
36.1	PHYE238.1	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 1	3	9	36	105	
36.2	PHYE239.2	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 2	3	9	36	105	
36.3	PHYE239.3	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 3	3	9	36	105	
36.4	PHYE239.4	Thể thao chuyên sâu Bóng chuyền 4	3	9	36	105	
37.1	PHYE240.1	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 1	3	9	36	105	
37.2	PHYE240.2	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 2	3	9	36	105	
37.3	PHYE240.3	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 3	3	9	36	105	
37.4	PHYE240.4	Thể thao chuyên sâu Bóng rổ 4	3	9	36	105	
38.1	PHYE241.1	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 1	3	9	36	105	
38.2	PHYE241.2	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 2	3	9	36	105	
38.3	PHYE241.3	Thể thao chuyên sâu Bóng	3	9	36	105	

		bàn 3					
38.4	PHYE241.4	Thể thao chuyên sâu Bóng bàn 4	3	9	36	105	
39.1	PHYE242.1	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 1	3	9	36	105	
39.2	PHYE242.2	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 2	3	9	36	105	
39.3	PHYE242.3	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 3	3	9	36	105	
39.4	PHYE242.4	Thể thao chuyên sâu Cầu lông 4	3	9	36	105	
40.1	PHYE243.1	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 1	3	9	36	105	
40.2	PHYE243.2	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 2	3	9	36	105	
40.3	PHYE243.3	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 3	3	9	36	105	
40.4	PHYE243.4	Thể thao chuyên sâu Võ thuật 4	3	9	36	105	
Các học phần tự chọn (Chọn 02 trong các học phần)			4				
41.1	MSP344.1	Phương pháp giảng dạy Đá cầu	2	6	24	70	
41.2	MSP344.2	Phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	6	24	70	
41.3	MSP344.3	Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	2	6	24	70	
41.4	MSP344.4	Phương pháp giảng dạy Cờ vua	2	6	24	70	
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm			***12***				
42	TMT245	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	18	12	70	
43	TMT246	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	6	24	70	
44	TMT247	Thực tập sư phạm 1	2		100		
45	TMT248	Thực tập sư phạm 2	6		300		
2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế			***7***				
Khóa luận tốt nghiệp			7				
46A		Khóa luận tốt nghiệp	7				

Học phần thay thế			7				
46B.1	PHYE449B.1	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất	4	48	12	140	
46B.2	PHYE449B.2	Sinh lý học thể dục thể thao	3	36	9	105	
Tổng cộng			**127**				

8.2. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo Giáo dục thể chất trình độ đại học thực hiện trong 04 năm với 08 học kì, trong đó học kì 1 với 15 tín chỉ, học kì 2 là 15 tín chỉ, học kì 3 với 16 tín chỉ, học kì 4 là 15 tín chỉ, học kì 5 với 18 tín chỉ, học kì 6 là 17 tín chỉ, học kì 7 với 15 tín chỉ, học kì 8 là 16 tín chỉ. Cụ thể như sau:

STT	**Mã HP**	**Tên học phần**	**Số TC**	**Phân bổ tín chỉ**			**Môn học tiên quyết**
				Số tiết trên lớp		**Tự học tự nghiên cứu**	
				Lý thuyết	**Bài tập, Thảo luận, Thực hành**		
Kỳ I. 15 Tín chỉ (chưa tính GDTC1)			**15**	**128**	**97**	**525**	
Bắt buộc			**15**				
1	POL001	Triết học Mác-Lênin	3	36	9	105	
2	EN012	Tiếng Anh 1	3	30	15	105	
3	PSE115	Tâm lí học	3	35	10	105	
4	MSP227	Phương pháp giảng dạy điền kinh 1, (Chạy trung bình, ngắn, tiếp sức , nhảy xa)	4	12	48	140	
5	IT014	Tin học đại cương	2	15	15	70	
Kỳ II. 15 Tín chỉ			**15**	**140**	**85**	**525**	
Bắt buộc			**15**				
1	POL002	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	20	10	70	Triết học Mác-Lênin

2	PHYE119	Giải phẫu học thể dục thể thao	3	36	9	105	
3	PHYE123	Lịch sử thể dục thể thao và thể thao trường học	2	24	6	70	
4	ENV150	Giáo dục môi trường	2	24	6	70	
5	MSP228	Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 (Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ)	4	12	48	140	Phương pháp giảng dạy điền kinh 1
6	PHYE124	Thống kê và đo lường thể dục thể thao	2	24	6	70	
Kỳ III. 16 Tín chỉ			**16**	**153**	**87**	**560**	
Bắt buộc			**12**				
1	POL003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	70	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
2	EN013	Tiếng Anh 2	4	40	20	140	Tiếng Anh 1
3	PHYE238.1-PHYE243.4	Thể thao chuyên sâu 1	3	9	36	105	
4	MSP229	Phương pháp giảng dạy Công tác Đoàn – Đội	3	36	9	105	
Tự chọn (SV chọn 2 trong 3 học phần)			**4**				
4.1	PHYE326.1	Vệ sinh Y học Thể dục thể thao	2	24	6	70	
4.2	PSE326.2	Giao tiếp sư phạm	2	15	15	70	Tâm lí học, Giáo dục học
4.3	PHYE325.4	Quản lý thể dục thể thao	2	24	6	70	
Kỳ IV. 15 Tín chỉ (chưa tính 165 Tiết GDQP - AN)			**15**	**118**	**107**	**525**	
Bắt buộc			**15**				
1	POL004	Tư tưởng HCM	2	20	10	70	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	ME008-ME011	GD QP&AN	165 T				
3	PSE116	Giáo dục học	3	35	10	105	
4	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	9	70	
5	PHYE238.1-PHYE243.4	Thể thao chuyên sâu 2	3	9	36	105	TT chuyên sâu 1
6	CUL119	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	24	6	70	

7	MSP237	Phương pháp giảng dạy Aerobic	3	9	36	105	
Kỳ V. 18 Tín chỉ			**18**	**66**	**204**	**630**	
Bắt buộc			**18**				
1	MSP230	Phương pháp giảng dạy Thể dục	4	12	48	140	
2	MSP231	Phương pháp giảng dạy Bóng đá	3	9	36	105	
3	MSP232	Phương pháp giảng dạy Bóng chuyền	3	9	36	105	
4	PHYE120	Sinh lý học thể dục thể thao	3	9	36	105	
5	TMT245	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	18	12	70	Tâm lí học, Giáo dục học
6	PHYE238.1-PHYE243.4	Thể thao chuyên sâu 3	3	9	36	105	TT chuyên sâu 1,2
Kỳ VI. 17 Tín chỉ			**17**	**59**	**266**	**525**	
Bắt buộc			**13**				
1	MSP234	Phương pháp giảng dạy Bóng rổ	3	9	36	105	
2	MSP235	Phương pháp giảng dạy Cầu lông	3	9	36	105	
3	POL005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10	70	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	TMT247	Thực tập sư phạm 1	2		100		
5	PHYE238.1-PHYE243.4	Thể thao chuyên sâu 4	3	9	36	105	TT chuyên sâu 1,2,3
Tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)			***4***				
6.1	MSP344.1	Phương pháp giảng dạy Đá cầu	2	6	24	70	
6.2	MSP344.2	Phương pháp giảng dạy Bơi lội	2	6	24	70	
6.3	MSP344.3	Phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao	2	6	24	70	
6.4	MSP344.4	Phương pháp giảng dạy Cờ vua	2	6	24	70	
Kỳ VII. 15 Tín chỉ			**15**	**69**	**156**	**525**	
Bắt buộc			**15**				
1	MAN014	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	21	9	70	
2	MSP233	Phương pháp giảng dạy Bóng bàn	3	9	36	105	
3	MSP236	Phương pháp giảng dạy Võ thuật	3	9	36	105	
4	PHYE121	Sinh hóa thể dục thể thao	3	9	36	105	
5	TMT246	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	6	24	70	PP giảng dạy Đk, PP giảng

							dạy các môn TT
6	PSE127	Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT	2	15	15	70	PP giảng dạy Đk, PP giảng dạy các môn TT
Kỳ VIII. 16 Tín chỉ			**16**	**93**	**357**	**350**	
Bắt buộc			**16**				
1	PHYE122	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	3	9	36	105	
2	TMT248	Thực tập sư phạm 2	6		300		
	Khóa luận TN hoặc các HP thay thế		7				
3		Khóa luận tốt nghiệp	7				
Học phần thay thế			**7**				
3.1	PHYE449B.1	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	4	48	12	140	
3.2	PHYE449B.2	Sinh lý học thể dục thể thao	3	36	9	105	Giải phẫu hoc TDTT, sinh cơ học TDTT, sinh hóa

8.3. Mô tả học phần

1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN (3 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kĩ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành sau này.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kì quá độ. Học phần bao gồm các nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6.1 GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 1 (45 tiết)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lí luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì.

6.2. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 2 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kĩ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

6.3 GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 3 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kĩ năng chiến thuật, kĩ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kĩ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lí các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

6.4 GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 4 (60 tiết)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

7. TIẾNG ANH 1 (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kĩ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kĩ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kĩ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

8. TIẾNG ANH 2 (4 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế

về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kĩ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kĩ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

9. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lí lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lí dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

10. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lí cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1, 2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3, 4, 5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam. Chương 6 là pháp luật về phòng chống tham nhũng.

11. QUẢN LÍ HÀNH CHÍNH NN VÀ QUẢN LÍ NGÀNH GDĐT (2 tín chỉ)

Học phần Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lí hành chính Nhà nước (tính chất, nội dung, phương pháp, luật,...); quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lí Nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo). Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, trong việc giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

12. TÂM LÍ HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về tâm lí: Bản chất, quá trình nảy sinh, quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lí; mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lí, chức năng vai trò của tâm lí đối với hoạt động của con người; giúp sinh viên hiểu bản chất và quy luật của sự phát triển con người trong quá trình phát triển cá thể, từ đó vận dụng vào công tác tham vấn, giáo dục học sinh ở phổ thông. Học phần còn trang bị cho người học những tri thức tâm lí về sự phát triển tâm lí, quy luật phát triển tâm lí ở con người và các đặc điểm tâm lí điển hình, đặc trưng ở các giai đoạn lứa tuổi

nhằm mục đích mô tả một cách khái quát nhất chân dung tâm lí của con người ở từng giai đoạn lứa tuổi cũng như ứng dụng những tri thức đó để quá trình giáo dục, dạy học được tổ chức phù hợp với tâm lí lứa tuổi.

13. GIÁO DỤC HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội; chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Sinh viên hiểu được bản chất của quá trình dạy học. Học phần tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng các nguyên tắc dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học trong tổ chức quá trình dạy học. Học phần cung cấp cho người học hiểu biết bản chất của quá trình giáo dục nghĩa hẹp, động lực căn bản trong phát triển toàn diện nhân cách con người. Trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp giáo dục, sinh viên có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm. Từ đó góp phần hình thành phẩm chất yêu trẻ yêu nghề, thế giới quan khoa học, năng lực sư phạm như tổng hợp, phân tích tài liệu, thuyết trình, năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học...

14. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm bắt những đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại (tiến trình văn hóa Việt Nam, không gian văn hóa Việt Nam); chỉ rõ loại hình văn hóa Việt Nam, các yếu tố cấu thành văn hóa Việt Nam và nội hàm của các yếu tố đó. Làm sáng tỏ văn hóa Việt Nam là tổng hòa các giá trị vật chất và tinh thần do các thế hệ người Việt Nam tạo nên trong quá trình tương tác với tự nhiên, xã hội và con người: Tác động đến tự nhiên như: ăn, ở, mặc..; Tác động đến xã hội như: phong tục tập quán, tôn giáo, triết học, đạo đức...; Tác động đến chính con người: các giá trị như Chân Thiện Mĩ. Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó giáo dục lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm của mỗi công dân đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

15. GIẢI PHẪU HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (3 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lí diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của người. Mặt khác học phần còn cung cấp vai trò và hệ thống thần kinh và sự phát triển của các hệ cơ, xương, khớp trong cơ thể cũng như ảnh hưởng của các bài tập thể dục thể thao đến chức năng sinh lí trong cơ thể, để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể như giữa cơ thể với môi trường và tác động của hoạt động thể dục thể thao lên cơ thể.

16. SINH LÍ HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TDTT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lí học TDTT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.

17. SINH HÓA THỂ DỤC THỂ THAO (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; diễn biến các quá trình sinh hoá xảy ra trong cơ thể người khi thực hiện các bài tập TDTT. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong tập luyện và thi đấu TDTT nói riêng và công tác giáo dục thể chất và TDTT nói chung.

18. LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học TDTT như khái niệm, vai trò của TDTT, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy,… Hình thành kĩ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong TDTT.

19. LỊCH SỬ THỂ DỤC THỂ THAO VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục thể chất như khái niệm, vai trò của giáo dục thể chất, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy,… Hình thành kĩ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong giáo dục thể chất.

Phần lịch sử TDTT trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về nguồn gốc và lịch sử phát triển TDTT trên thế giới và ở Việt Nam. Trên cơ sở đó sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò và vị trí to lớn của TDTT trong đời sống xã hội loài người.

20. THỐNG KÊ VÀ ĐO LƯỜNG THỂ DỤC THỂ THAO (2 tín chỉ)

Thống kê và đo lường thể dục thể thao là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Giáo dục thể chất và Quản lí Thể dục thể thao. Học phần trang bị và bổ sung cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp thống kê trong TDTT: cách trình bày số liệu; lí luận cơ bản về thống kê mô tả, các tham số đặc trưng, ước lượng các giá trị trung bình, so sánh các tham số đặc trưng hay kiểm định, so sánh hai hay nhiều phương pháp huấn luyện, phương pháp giảng dạy; phân tích tương quan, hồi quy giữa các đặc tính. Học phần còn cung cấp kiến thức cơ bản về xử lí số liệu của phép đo; đo lường trong TDTT; Cơ sở lí thuyết của TEST và lí thuyết đánh giá vận động viên, các cách đánh giá, thang độ và đơn vị sử dụng trong đo lường, phương pháp đo; áp dụng khi đo thực tế các chỉ tiêu đánh giá thể chất của vận động viên, của nhân dân; xác định tiêu chuẩn tuyển chọn vận động viên cũng như đánh giá thành tích thể thao trong tuyển chọn, huấn luyện, thi đấu, các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao quần chúng.

21. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những thông tin, những kiến thức cơ bản, trong nghiên cứu khoa học, những kĩ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thực nghiệm và cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu ý nghĩa của công tác nghiên khoa học, có kĩ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

22. GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học môi trường, về dân số; thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; những vấn đề về ô nhiễm môi trường và sự phát triển bền vững; phân tích được mối quan hệ dân số - tài nguyên - môi trường để từ đó nhận thức được những nội dung về bảo vệ môi trường, cơ sở khoa học của việc bảo vệ môi trường. Đồng thời, người học còn vận dụng kiến thức về giáo dục môi trường trong giảng dạy bộ môn ở nhà trường phổ thông và giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tiễn liên quan đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên để hướng tới sự phát triển bền vững.

23.1. VỆ SINH Y HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh trong luyện tập TDTT, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; nguyên tắc vệ sinh tập luyện và thi đấu một số môn thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất và tập luyện TDTT.

23.2. GIAO TIẾP SƯ PHẠM (2 tín chỉ)

Học phần Giao tiếp sư phạm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về người giáo viên phổ thông như: vai trò, vị trí, đặc trưng, tính chất, phẩm chất, đạo đức nghề, năng lực, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành rèn luyện những kĩ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt vai trò người giáo viên phổ thông như: kĩ năng giao tiếp sư phạm, kĩ năng tổ chức và kết nối các lực lượng trong tổ chức các hoạt động cộng đồng, kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, kĩ năng giải quyết tình huống sư phạm... Trên cơ sở đó, học phần góp phần bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên như: yêu trẻ, yêu nghề, linh hoạt, sáng tạo trong các tình huống giao tiếp sư phạm, trong xử lí tình huống sư phạm...

23.3. QUẢN LÍ THỂ DỤC THỂ THAO (2 tín chỉ)

Quản lí thể dục thể thao là học phần cơ sở, chủ yếu trong chương trình đào tạo cử nhân ngành giáo dục thể chất. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lí nhà nước và quản lí xã hội ở Việt Nam; quản lí thể dục thể thao; phương pháp quản lí; hoạt động quản lí; chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam và quản lí công tác TDTT trong trường học. Trên cơ sở đó đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn quản lí công tác TDTT trong trường học các cấp.

24. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐIỀN KINH 1 (CHẠY TRUNG BÌNH, NGẮN, TIẾP, NHẢY XA) (4 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 thuộc thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh (chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa) có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn Điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kĩ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự li trung bình, chạy

ngắn, nhảy xa và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.

25. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐIỀN KINH 2 (NHẢY CAO, NÉM BÓNG, ĐẨY TẠ) (4 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Điền kinh 2 là môn thể thao trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực chung. Môn điền kinh 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: Nhảy cao, ném bóng, đẩy tạ và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài một số nội dung chính của môn điền kinh.

26. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÔNG TÁC ĐOÀN - ĐỘI (3 tín chỉ)

Học phần phương pháp giảng dạy công tác Đoàn - Đội là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo, có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm hỗ trợ phát triển thân thể. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và các kỹ năng cơ bản về Công tác Đoàn - Đội như: Lịch sử hình thành và phát triển, mục đích, tính chất và nhiệm vụ, hệ thống tổ chức; các nghi thức, đội hình đội ngũ; Những hoạt động nghiệp vụ của Đoàn - Đội; Hoạt động ngoài giờ lên lớp; nguồn gốc trò chơi vận động, đặc điểm, tác dụng, vai trò của trò chơi vận động trong hệ thống giáo dục; Biết tổ chức, sáng tác trò chơi vận động.

27. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY THỂ DỤC (4 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Thể dục là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khoẻ hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

28. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viển kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

29. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BÓNG CHUYỀN (3 tín chỉ)

Bóng chuyền là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, quản lý thể dục thể thao và huấn luyện thể thao ở nước ta. Nội dung học phần được chia làm 3 tín chỉ, mỗi tín chỉ chia làm 2 phần lý thuyết và thực hành. Tín chỉ 1 giới

thiệu lịch sử phát triển môn bóng chuyền, phương pháp giảng dạy kỹ thuật cơ bản như các bước di chuyển, chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay, ngã nghiêng chuyền bóng; Tín chỉ 2 rèn luyện kỹ năng phát bóng thấp tay, phát bóng cao tay và nhảy phát. Thông qua học phần đồng thời trang bị cho người học những kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn cơ bản phục vụ cho công tác giảng dạy, tổ chức thi đâu và huấn luyện trong trường học các cấp, rèn luyện cho người học ý thức tự giác, tích cực, ý chí, nghị lực khắc phục khó khăn tự vươn lên. Tín chỉ 3 giới thiệu vai trò tác dụng của môn bóng chuyền, sự phát triển điền kinh ở Việt Nam và thực hành rèn luyện kỹ năng đập bóng.

30. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử học phần, vị trí và tác dụng của môn bóng bàn trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý chung về đánh bóng bàn, đồng thời biết cách biên soạn tài liệu học phần, phương pháp giảng dạy và huấn luyện, cách thức tổ chức giải bóng bàn, phương pháp trọng tài và luật thi đấu.

Trang bị cho sinh viên những kỹ thuật, chiến thuật; các bài tập phát triển thể lực chung, phương pháp tổ chức giảng dạy và huấn luyện bóng bàn, phương pháp trọng tài và tổ chức thi đấu. Ngoài ra, học phần còn giáo dục, giáo dưỡng cho sinh viên những phẩm chất đạo đức tốt; nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

31. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.

32. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Cầu lông thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Cầu lông trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông.

33. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật. Chương trình huấn luyện của môn võ thuật là nhấn mạnh vào tinh thần đoàn kết, tính mạnh mẽ và kiên cường. Tuy nhiên điểm then chốt của môn võ thuật là sự triển khai tính đạo đức và giúp người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, phát triển toàn diện tố chất thể lực.

34. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY AEROBIC (3 tín chỉ)

Aerobic là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung học phần bao gồm: Lý thuyết Aeroic; bảy bước cơ bản của Aerobic; Các tư thế cơ bản Aerobic; các nhóm động tác độ khó Aerobic; Bài Aerobic. Ngoài kiến thức cơ bản, học phần còn trang bị cho sinh viên phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học phần, phát triển năng lực tự học, tự rèn luyện, góp phần giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể, rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

35.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viển kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

35.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viển hiểu, củng cố và nắm bắt một số nguyên lý kỹ chiến thuật thực hành cơ bản. Về lý thuyết, củng cố lại phương pháp trọng tài, hiểu và biết phân tích các kỹ thuật bóng đá cơ bản và phương pháp giảng dạy, công tác tổ chức thi đấu một giải bóng đá. Củng cố và cập nhật những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: củng cố các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

35.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên và Củng cố và HT, Củng cố và HT, nắm bắt một số nguyên lý kỹ - chiến thuật thực hành cơ bản. Về lý thuyết: hiểu được khái niệm, nguyên lý chiến thuật và biết phân tích chiến thuật. Nhằm nâng cao khả năng tư duy, nhận thức về học phần và cập nhật những kiến thức về sự thay đổi của Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: Củng cố và HT và Củng cố và HT các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

35.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG ĐÁ (3 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên hoàn thiện và củng cố về các kỹ - chiến thuật thực hành từ cơ bản đến nâng cao. Về lý thuyết: người học sẽ nắm được về cách lập tiến trình giảng dạy, kế hoạch huấn luyện, biên soạn giáo án và công tác nghiên cứu khoa học trong môn bóng đá. Nhằm nâng cao khả năng tư duy, nhận thức về học phần và cập nhật những kiến thức về sự thay đổi của Luật bóng đá. Về thực hành: Củng cố và hoàn thiện các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá. Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực

hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

36.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG CHUYỀN (3 tín chỉ)

Bóng chuyền thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. Bóng chuyền trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyền chuyên sâu 1 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyền như: Kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật phát bóng, Chuyền bóng thấp tay, chuyền bóng cao tay; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyền.

36.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG CHUYỀN (3 tín chỉ)

Bóng chuyền thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. Bóng chuyền trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyền chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyền như: Kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 2, kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 3, kỹ thuật đập bóng ở vị trí số 4 và kỹ thuật đập bống ở sau vạch 3 mét; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyền.

36.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG CHUYỀN (3 tín chỉ)

Bóng chuyền thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. Bóng chuyền trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyền chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyền như: Kỹ thuật phòng thủ 6 tiến, kỹ thuật phòng thủ 6 lùi và kỹ thuật chắn bóng; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyền.

36.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG CHUYỀN (3 tín chỉ)

Bóng chuyền thuộc môn thể thao chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần tự chọn có nội dung rất đa dạng và phong phú, nhằm trang bị cho người học nắm vững các kiến thức, các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. Bóng chuyền trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Bóng chuyền chuyên sâu 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của các bài tập Bóng chuyền như: Kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật chắn bóng đơn, kỹ thuật chắn bóng 2, 3 người và chiến thuật trong thi đấu ; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn Bóng chuyền.

37.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Thể thao chuyên sâu bóng rổ 1 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành

Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 1 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý kỹ thuật; một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.

37.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Thể thao chuyên sâu bóng rổ 2 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 2 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Nguyên lý kỹ thuật bóng rổ; chiến thuật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu; một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.

37.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Học phần Thể thao chuyên sâu bóng chuyền cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận và chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật Bóng chuyền.

Học phần trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật và kỹ năng tập luyện và luật thi đấu bóng chuyền. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.

37.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG RỔ (3 tín chỉ)

Thể thao chuyên sâu bóng rổ 4 là môn thể thao trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Môn Thể thao chuyên sâu bóng rổ 4 trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về: Nguyên lý kỹ thuật bóng rổ; chiến thuật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp giảng dạy, một số điều luật và phương pháp trọng tài môn bóng rổ.

38.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Bóng bàn thuộc môn Thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, sự phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của môn Bóng bàn, phương pháp giảng dạy, nguyên lý chung về đánh bóng, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng bàn và thực hiện được các kỹ thuật một cách thành thạo. Đồng thời chuẩn bị thể lực chung cho sinh viên trong quá trình học tập.

38.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các nền tảng kiến thức về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, một số chiến thuật đơn giản, phương pháp giảng dạy, luật Bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong môn bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn.

38.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn (phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài). Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật

trong bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn. Ngoài ra còn chuẩn bị một nền tảng thể lực vững chắc, đáp ứng yêu cầu học tập và giảng dạy giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh sau này.

38.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU BÓNG BÀN (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các nền tảng kiến thức về cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy Bóng bàn những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, một số chiến thuật đơn giản, phương pháp giảng dạy, luật Bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hiện, giảng dạy các động tác kỹ thuật trong môn bóng bàn và tổ chức thi đấu bóng bàn.

39.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.

39.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.

39.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.

39.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU CẦU LÔNG (3 tín chỉ)

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy cầu lông, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, nguyên lý chung về đánh cầu, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, thực hiện kỹ thuật một cách thành thạo đồng thời chuẩn bị các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cho sinh viên trong quá trình học tập.

40.1 THỂ THAO CHUYÊN SÂU VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật có nhiều giá trị giáo dục, văn hóa thể chất, nhân văn thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục thể chất bằng tinh thần thượng võ của võ thuật và cho phép giảng dạy cho đối tượng học sinh.

40.2 THỂ THAO CHUYÊN SÂU VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật môn võ thuật. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục bằng võ thuật cho các đối tượng học sinh.

40.3 THỂ THAO CHUYÊN SÂU VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật mang giá trị giáo dục đạo đức, văn hóa, nhân văn, thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho các đối tượng học sinh.

40.4 THỂ THAO CHUYÊN SÂU VÕ THUẬT (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận chuyên môn, phương pháp giảng dạy và kỹ năng thực hành kỹ thuật võ thuật mang giá trị giáo dục đạo đức, văn hóa, nhân văn, thượng võ. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho các đối tượng học sinh.

41.1 PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐÁ CẦU (2 tín chỉ)

Đá cầu được hình thành và phát triển từ những trò chơi dân gian dưới nhiều hình thức khác nhau mà mỗi địa phương, vùng dân cư trên đất nước Việt Nam có những hình thức, màu sắc đặc trưng riêng... Đá cầu có một quá trình phát triển theo lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Có thời kỳ phát triển rất rực rỡ, từ vua quan trong triều đến các tầng lớp nhân dân lao động, từ thành thị đến nông thôn, miền xuôi đến miền ngược... ở đâu môn đá cầu cũng được ưa chuộng. Đá cầu thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển thể lực và thể chất cho người tập. Môn Đá cầu trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Đá cầu.

41.2 PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY BƠI LỘI (2 tín chỉ)

Bơi lặn là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lặn như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách phòng chống đuối nước, Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn Bơi lặn và tác dụng của nó đến người hoc, thông qua học phần rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tầm vóc và phẩm chất, tâm lý tốt nhất cho người học. hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỹ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.

41.3 PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY KHIÊU VŨ THỂ THAO (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất của vũ

điệu Chachacha nổi tiếng - Đặc trưng của đất nước Brazil và vũ điệu Chachacha sôi động vui nhộn với nhiều vũ hình quay, đổi tay, kéo và lăng bạn nhảy, hiện đang rất phổ biến trong các sinh hoạt vũ hội. Người học sẽ được trang bị các kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Chachacha hiểu được đặc trưng tiết tấu, giai điệu nhạc sôi động. Sau khi học xong học phần này, người học có thể tự tin tham gia các sinh hoạt văn hóa văn nghệ của sinh viên, đồng thời có vốn kỹ năng phong phú khi tham gia các Câu lạc bộ khiêu vũ ngoài trường…

41.4 PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CỜ VUA (2 tín chỉ)

Cờ vua thuộc môn thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành GDTC, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập trang bị nhằm phát triển tư duy logic, luyện trí thông minh, giáo dục những phẩm chất tốt đẹp như tính tổ chức kỷ luật, kiên cường bình tĩnh, luyện mưu trí, óc sáng tạo, luyện cách nhìn xa trông rộng biết phân tích, tổng hợp tình hình một cách khách quan khoa học, rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, tính quyết đoán và táo bạo trong xử lý tình huống cho người tập. Môn Cờ vua trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, các nguyên tắc giảng dạy, phương pháp giảng dạy, giảng dạy các kỹ chiến thuật cờ vua, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài của môn Cờ vua.

42. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống những hiểu biết về người giáo viên phổ thông như: vai trò, vị trí, đặc trưng, tính chất, phẩm chất, đạo đức nghề, năng lực, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành rèn luyện những kĩ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt vai trò người giáo viên phổ thông như: kĩ năng giao tiếp sư phạm, kĩ năng tổ chức và kết nối các lực lượng trong tổ chức các hoạt động cộng đồng, kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề, kĩ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, công tác chủ nhiệm lớp, kĩ năng tổ chức hướng dẫn thực hiện nghi thức Đội và các hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh; trang bị cho người học các phương pháp tổ chức quá trình dạy học, giáo dục học sinh, phương pháp giải quyết các tình huống xảy ra trong hoạt động sư phạm, gắn lí luận với thực tiễn... Trên cơ sở đó, học phần góp phần bồi dưỡng thái độ nghiệp vụ cần thiết của người giáo viên như: yêu trẻ, yêu nghề, linh hoạt, sáng tạo trong các tình huống giao tiếp sư phạm, trong xử lí tình huống sư phạm...

43. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 2 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học hệ thống những kiến thức và tổ chức thực hành rèn những kĩ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học trong nhà trường, bao gồm kĩ năng xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch bài học, kĩ năng tổ chức hoạt động dạy học, kĩ năng tổ chức quản lí lớp học, kĩ năng kiểm tra đánh giá học sinh. Đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành thuyết trình, viết bảng, xây dựng môi trường học tập. Góp phần bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên, như: yêu trẻ, yêu nghề, sự linh hoạt, sáng tạo và kỉ luật trong tổ chức hoạt động dạy học,...

44. THỰC TẬP SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần nhằm nhằm gắn lí thuyết với thực hành, lí luận với thực tiễn trong quá trình đào tạo giáo viên; củng cố, hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng đã được học trong các

lĩnh vực tâm lí học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy và giáo dục học sinh.

45. THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 (6 tín chỉ)

Học phần nhằm củng cố và nâng cao các kiến thức lí thuyết Tâm lí - Giáo dục, vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; thực hành và vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Ngữ văn, tiếp tục rèn luyện để hình thành năng lực và phẩm chất của người giáo viên, theo yêu cầu của các chương trình khung đào tạo giáo viên trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

46A. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (7 tín chỉ)

Trong học kì cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kĩ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

46B.1 LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học Thể dục thể thao như khái niệm, vai trò của thể dục thể thao, các phương pháp và hình thức tỏ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy … Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong thể dục thể thao

46B.2 SINH LÝ HỌC THỂ DỤC THỂ THAO (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TDTT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về sinh lý học TDTT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

9.1. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện tuân thủ Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Trường Đại học Hải Dương. Trong đó:

9.1.1. Tổ chức lớp học

Sinh viên khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp ngành học và sau đó tham gia vào các lớp học phần:

a) Lớp ngành học là lớp được tổ chức từ đầu khóa học bao gồm những sinh viên cùng khóa học và cùng ngành đào tạo. Mỗi lớp ngành học được bố trí một giảng viên làm cố vấn học tập.

b) Lớp học phần là lớp được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khoá biểu, và được tổ chức dựa trên đăng kí học tập của sinh viên ở từng học kì. Dựa vào dự báo và kết quả thực tế về số lượng sinh viên đăng kí học trong mỗi học kì, nhà trường có thể tổ chức nhiều lớp học (hoặc không tổ chức lớp học) cho một học phần. Số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học được quy định phù hợp với

tính chất của từng học phần và điều kiện thực tế của trường.

Khoa quản lí học phần có trách nhiệm chuyển danh sách sinh viên lớp học phần cho giảng viên giảng dạy học phần đó vào 2 thời điểm đầu học kì và sau khi có danh sách chính thức. Danh sách sinh viên chính thức của lớp học phần được chốt trong tuần thứ 6 của học kì chính và tuần thứ 3 của học kì phụ.

9.1.2. Đăng kí khối lượng học tập

a) Khối lượng học tập trong mỗi học kì

Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kì theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kì theo kế hoạch học tập chuẩn.

b) Đăng kí học

Đầu mỗi năm học, nhà trường thông báo lịch trình học dự kiến cho Chương trình đào tạo trong từng học kì, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, thời khóa biểu các lớp học, đề cương chi tiết và điều kiện tiên quyết để được đăng kí học cho từng học phần, dự kiến lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

- Trước khi bắt đầu mỗi học kì, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng kí học các học phần dự định sẽ học trong học kì đó. Nhà trường tổ chức 3 đợt đăng kí học trong mỗi học kì; đăng kí sớm, đăng kí bình thường và đăng kí muộn. Đăng kí sớm được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kì khoảng 1 tháng. Đăng kí bình thường được thực hiện khoảng 2 tuần trước thời điểm bắt đầu học kì. Đăng kí muộn được thực hiện trong khoảng 2 tuần lễ đầu của mỗi học kì hoặc trong tuần lễ đầu của học kì phụ cho những sinh viên muốn đăng kí học thêm hoặc đăng kí học đổi sang học phần khác khi không có lớp học. Riêng đối với học kì đầu tiên của khóa học, nhà trường tổ chức đăng kí học tập đồng loạt cho các lớp, ngành học, sinh viên có thể đăng kí học bổ sung học phần hoặc học vượt trước ở đợt đăng kí muộn nếu điều kiện cho phép.

- Việc đăng kí các học phần sẽ học cho từng học kì phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của Chương trình đào tạo.

c) Đăng kí học lại

- Trường hợp thứ nhất: Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng kí học lại học phần đó ở một trong các học kì tiếp sau cho đến khi đạt tối thiểu điểm D. Số lần học lại không hạn chế. Nếu học phần tương đương không còn mở lớp (do Chương trình đào tạo thay đổi), sinh viên phải đăng kí học lại và tích luỹ các học phần thay thế theo danh mục đã được trường công bố chính thức. Danh mục học phần thay thế do Trưởng đơn vị đào tạo đề xuất và được Hiệu trưởng ra quyết định công bố chính thức.

- Trường hợp thứ hai: Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng kí học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

Đăng kí học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy: Ngoài hai trường hợp đăng kí học lại ở trên, sinh viên được phép đăng kí học lại hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác (nếu là học phần tự chọn) đối với các học phần có điểm từ D để cải thiện

điểm trung bình tích lũy. Sinh viên học lại học phần nào phải nộp học phí học phần đó theo quy định của nhà trường.

d) Rút bớt học phần đã đăng kí

Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng kí đối với năm học có 2 học kì chính, được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kì chính và không muộn quá 5 tuần, sau 1 tuần kể từ đầu học kì phụ và không muộn quá 2 tuần; đối với năm học có 3 học kì chính, được thực hiện sau 1 tuần kể từ đầu học kì chính và không muộn quá 3 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng kí học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0.

9.1.3. Xếp hạng học lực và năm đào tạo

a) Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kì, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

- Theo thang điểm 4:

+ Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

+ Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

+ Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

+ Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

+ Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

+ Dưới 1,0: Kém.

- Theo thang điểm 10:

+ Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;

+ Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;

+ Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;

+ Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;

+ Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;

+ Dưới 4,0: Kém.

b) Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất: N<M;

- Trình độ năm thứ hai: M< N< 2M;

- Trình độ năm thứ ba: 2M<N<3M;

- Trình độ năm thứ tư: 3M<N<4M;

- Trình độ năm thứ năm: 4M<N<5M.

9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng

9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kì rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần, thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của

giáo dục đại học và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

9.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kì đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 5 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

9.2 3. Công bố công khai chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật. Chương trình đào tạo (gồm mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lí, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

9.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kì kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.